

MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I VẬT LÝ NĂM HỌC 2026-2027

A - VẬT LÝ 10

I. CẤU TRÚC:

1. Cấp độ tư duy: Biết: 40%. Hiểu: 30%. Vận dụng: 30%.

2. Thời gian làm bài: 45 phút.

3. Cấu trúc:

Phần I (3,0 điểm): Trắc nghiệm nhiều lựa chọn. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án. Mỗi câu trả lời đúng học sinh được 0,25 điểm.

Phần II (2,0 điểm): Trắc nghiệm đúng sai. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 2. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, học sinh chọn **đúng** hoặc **sai**. Điểm tối đa của 01 câu hỏi là 1,0 điểm.

+ Học sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 1 câu hỏi được 0,25 điểm.

+ Học sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 1 câu hỏi được 0,5 điểm.

+ Học sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 1 câu hỏi được 0,75 điểm.

+ Học sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 1 câu hỏi được 1,0 điểm.

Phần III (2,0 điểm): Trắc nghiệm trả lời ngắn. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Mỗi câu trả lời đúng học sinh được 0,5 điểm.

Phần IV (3,0 điểm): Tự luận. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 3

4. Nội dung kiểm tra: từ Bài 1 đến Bài 11.

II. MA TRẬN:

[illegible]

Chủ đề/bài học	Số câu hỏi/lệnh hỏi theo cấp độ tư duy về năng lực											
	TNKQ									Tự luận		
	Nhiều lựa chọn (12 câu – 12 ý)			Đúng – Sai (2 câu - 8 ý)			Trả lời ngắn (4 câu – 4 ý)			3 câu (6 ý)		
	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	Vận dụng
7. Đồ thị độ dịch chuyển - thời gian	1								1			2
8. Chuyển động biến đổi. Gia tốc	1			1								
9. Chuyển động thẳng biến đổi đều	1			2	1						1	2
10. Rơi tự do	1							1				
Tổng lệnh hỏi	10	2	0	6	2			2	2		2	4
Tổng số điểm	3,0			2,0			2,0			3,0		

MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I VẬT LÝ NĂM HỌC 2026-2027

B - VẬT LÝ 11

I. CẤU TRÚC:

1. Cấp độ tư duy: Biết: 40%. Hiểu: 30%. Vận dụng: 30%.

2. Thời gian làm bài: 45 phút.

3. Cấu trúc:

Phần I (3,0 điểm): Trắc nghiệm nhiều lựa chọn. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án. Mỗi câu trả lời đúng học sinh được 0,25 điểm.

Phần II (2,0 điểm): Trắc nghiệm đúng sai. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 2. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, học sinh chọn **đúng** hoặc **sai**. Điểm tối đa của 01 câu hỏi là 1,0 điểm.

+ Học sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 1 câu hỏi được 0,25 điểm.

+ Học sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 1 câu hỏi được 0,5 điểm.

+ Học sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 1 câu hỏi được 0,75 điểm.

+ Học sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 1 câu hỏi được 1,0 điểm.

Phần III (2,0 điểm): Trắc nghiệm trả lời ngắn. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Mỗi câu trả lời đúng học sinh được 0,5 điểm.

Phần IV (3,0 điểm): Tự luận. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 3

5. Nội dung kiểm tra: từ Bài 1 đến Bài 7.

II. MA TRẬN

TT	Chủ đề/ Chương	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tổng			Tỉ lệ % điểm
			TNKQ									Tự luận						
			Nhiều lựa chọn			“Đúng - Sai”[2]			Trả lời ngắn[3]									
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	
1	DAO ĐỘNG	1.1 Dao động điều hoà	2									1			3			1/10
		1.2 Mô tả dao động điều hoà.	2								1		2		2	2	1	2/10
		1.3 Vận tốc và gia tốc trong dao động điều hoà.	2	1		1	1	2			1			1	3	2	4	2,75/10
		1.4 Động năng, thế năng. Sự chuyển hoá năng lượng dao động điều hoà.	2	1		1	1	2		1			1	1	3	4	3	3,25/10
		1.5 Dao động tắt dần, dao động cưỡng bức. Hiện tượng cộng hưởng.	2								1				2		1	1/10
Tổng số câu			10	2		2	2	4		1	3	1	3	2	13	8	10	10
Tổng số điểm			3,0			2,0			2,0			3,0			4,0	3,0	3,0	10
Tỉ lệ %			30			20			20			30			40	30	30	100%

MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I VẬT LÝ NĂM HỌC 2026-2027

C - VẬT LÝ 12

- Thời gian làm bài: 45 phút.
- Hình thức kiểm tra: Kết hợp giữa trắc nghiệm, đúng sai và câu trả lời ngắn (45% NLC, 40% ĐS, 15% TLN).
- Cấu trúc: 40% biết; 30% hiểu; 30% Vận dụng.
- + Phần trắc nghiệm nhiều lựa chọn: 4,5 điểm (18 câu hỏi. Trong đó: biết: 12 câu, hiểu: 6 câu, vận dụng: 0 câu), mỗi câu 0,25 điểm.
- + Phần câu hỏi trả lời đúng sai: 4,0 điểm (16 lệnh hỏi. Trong đó: biết: 4 lệnh hỏi, hiểu: 6 lệnh hỏi, vận dụng: 6 lệnh hỏi), mỗi lệnh hỏi 0,25 điểm.
- + Phần trả lời ngắn: 1,5 điểm (6 câu hỏi. Trong đó: biết: 0 câu, hiểu: 0 câu, vận dụng: 6), mỗi câu 0,25 điểm.
- + Nội dung: Vật lý nhiệt

Chủ đề	Nội dung	Năng lực vật lí							TỔNG (Câu)
		Nhận thức vật lí			Tìm hiểu thế giới tự nhiên dưới góc độ vật lí			Vận dụng kiến thức, kỹ năng	
		Cấp độ tư duy			Cấp độ tư duy			Cấp độ tư duy	
		Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Vận dụng	
1. VẬT LÝ NHIỆT	1.1. Cấu trúc của chất. Sự chuyển thể	3 NLC	2 NLC						5 NLC
	1.2. Nội năng, định luật I của nhiệt động lực học	1 NLC	1NLC			2/4 Đ-S	2/4 Đ-S	2 TLN	2NLC 2TLN 1 Đ-S
	1.3. Nhiệt độ. Thang nhiệt	3 NLC	2 NLC					1 TLN	5 NLC

	độ-nhiệt kế								1 TLN
	1.4. Nhiệt dung riêng.	2 NLC			2/4 Đ-S	1/4 Đ-S	1/4 Đ-S	1 TLN	2 NLC 1 ĐS 1 TLN
	1.5. Nhiệt nóng chảy riêng	1 NLC	1 NLC		1/4 Đ-S	2/4 Đ-S	1/4 Đ-S	1 TLN	2 NLC 1 ĐS 1 TLN
	1.6 Nhiệt hoá hơi riêng	2NLC			1/4 Đ-S	1/4 Đ-S	2/4 Đ-S	1 TLN	2 NLC 1 ĐS 1 TLN
TỔNG Lệnh hỏi		12	6		4	6	6	6	28 câu 40 lệnh hỏi
Điểm		18 câu = 4,5 điểm			4 câu = 16 lệnh hỏi = 4 điểm			6 câu = 1,5 điểm	10 điểm

Rạch Kiến, ngày 05 tháng 09 năm 2026

DUYỆT CỦA LÃNH ĐẠO NHÀ TRƯỜNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Hô Phú Triệu

TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN

Hàn Văn Hưng